

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 20



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Ty	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Mến	Thành viên
Bà Nguyễn Tuyết Nhung	Thành viên
Bà Hoàng Thị Kim	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Hoàng Văn Ty	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Phó Giám đốc
Ông Ngô Lê Quế	Phó Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất trong kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Hoàng Văn Ty**  
Giám đốc

Thái Bình, ngày 18 tháng 08 năm 2015

025  
CÔ  
CH N  
KIẾ  
V  
S Đ

Số: 274 /VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 18/08/2015, từ trang 03 đến trang 20. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Minh Hùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0294-2013-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2015



**Bùi Thị Phương**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2369-2013-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mẫu B 01a-DN/HN  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>54.453.314.696</b>	<b>47.802.756.461</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.248.394.719</b>	<b>2.275.975.653</b>
1. Tiền	111	5	4.248.394.719	2.275.975.653
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>26.108.006.373</b>	<b>23.666.464.823</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	9.832.740.271	4.525.664.823
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	15.925.816.104	15.490.800.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.000.000.000	3.650.000.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(650.550.002)	-
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>22.930.835.940</b>	<b>21.000.051.082</b>
1. Hàng tồn kho	141		22.930.835.940	21.000.051.082
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.166.077.664</b>	<b>860.264.903</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.031.548.412	434.498.184
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		134.529.252	425.766.719
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>14.935.988.078</b>	<b>15.560.972.975</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.503.998.425</b>	<b>15.362.817.046</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	14.503.998.425	15.362.817.046
- Nguyên giá	222		19.760.793.428	20.102.740.928
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.256.795.003)	(4.739.923.882)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>431.989.653</b>	<b>198.155.929</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	431.989.653	198.155.929
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>69.389.302.774</b>	<b>63.363.729.436</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

**MẪU B 01a-DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.716.132.319</b>	<b>7.707.927.395</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.716.132.319</b>	<b>7.639.315.735</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	8.338.201.710	6.281.703.953
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		760.627.247	555.106.596
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.508.521.092	802.505.186
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		108.782.270	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			<b>68.611.660</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	68.611.660
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>58.673.170.455</b>	<b>55.655.802.041</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>58.673.170.455</b>	<b>55.655.802.041</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.500.000.000	52.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.500.000.000	52.500.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.173.170.455	3.155.802.041
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.155.802.041	3.155.802.041
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.017.368.414	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>69.389.302.774</b>	<b>63.363.729.436</b>



**Hoàng Văn Ty**  
Giám đốc  
Thái Bình, ngày 18 tháng 08 năm 2015

**Vũ Thị Hằng**  
Kế toán trưởng

**Vũ Thị Hằng**  
Người lập biểu


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015


**MẪU B 02a-DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 30/06/2015	đến 30/06/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	27.610.859.951	9.349.070.515
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		27.610.859.951	9.349.070.515
3. Giá vốn hàng bán	11	17	19.986.742.449	7.501.846.302
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7.624.117.502	1.847.224.213
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		174.504	941.506
6. Chi phí bán hàng	25	19	892.889.200	456.839.594
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	2.787.271.585	977.757.412
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (25 + 26)}	30		3.944.131.221	413.568.713
9. Thu nhập khác	31		100.000.000	-
10. Chi phí khác	32		175.710.178	-
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(75.710.178)	-
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.868.421.043	413.568.713
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	851.052.629	124.061.972
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		3.017.368.414	289.506.741
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	575	66



Hoàng Văn Ty  
Giám đốc  
Thái Bình, ngày 18 tháng 08 năm 2015

  
Vũ Thị Hằng  
Kế toán trưởng

  
Vũ Thị Hằng  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU B 03a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>3.868.421.043</b>	<b>413.568.713</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	683.108.443	817.898.692
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	75.535.674	(941.506)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>4.627.065.160</b>	<b>1.230.525.899</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(3.092.091.552)	(11.997.676.832)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(1.930.784.858)	(375.663.450)
-Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.098.939.764	97.085.731
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(830.883.952)	262.336.883
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.872.244.562</b>	<b>(10.783.391.769)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	100.000.000	-
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	174.504	941.506
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>100.174.504</b>	<b>941.506</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	17.500.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>17.500.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>1.972.419.066</b>	<b>6.717.549.737</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>2.275.975.653</b>	<b>1.154.351.410</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4.248.394.719</b>	<b>7.871.901.147</b>



Hoàng Văn Ty  
Giám đốc

Thái Bình, ngày 18 tháng 08 năm 2015

Vũ Thị Hằng  
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng  
Người lập biểu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

MÃU B09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Tiến Trung được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10/04/2003 và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17/12/2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 26/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 26/04/2014 là 52.500.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của công ty mẹ và các công ty con tại ngày 30/06/2015 là 143 người (tại ngày 31/12/2014 là 144 người).

Danh sách cổ đông sáng lập:

Danh sách cổ đông sáng lập	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
Hoàng Văn Ty	655.400	6.554.000.000	18,73
Nguyễn Tuyết Nhung	500.000	5.000.000.000	14,29
Nguyễn Thị Mến	275.000	2.750.000.000	7,86
Đặng Ngọc Thông	157.500	1.575.000.000	4,50
Hoàng Thị Kim	157.500	1.575.000.000	4,50
<b>Cộng</b>	<b>1.745.400</b>	<b>17.454.000.000</b>	<b>49,87</b>

**Công ty con**

Công ty con được hợp nhất vào Công ty là Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình do Công ty Mẹ sở hữu 100% vốn hoạt động.

**Ngành nghề kinh doanh chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của công ty mẹ là:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bộ đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rằm, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát...); Sản xuất đá xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của công ty con là:

Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác; Sản xuất bộ đồ ăn bằng sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh; Sản xuất các tượng nhỏ và các đồ trang trí bằng gốm khác; Sản xuất các sản phẩm cách điện và các đồ đặc cố định trong nhà cách điện bằng gốm; Sản xuất các sản phẩm trong phòng thí nghiệm, hóa học và các sản phẩm công nghiệp; Sản xuất chai, lọ, bình và các vật dụng tương tự cùng một loại được sử dụng cho việc vận chuyển và đóng gói hàng hóa; Sản xuất đồ nội thất bằng gốm; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1025  
CỘNG HÒA  
KIẾN  
VA  
G D

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU B09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**1. THÔNG TIN KHẮT QUÁT (Tiếp theo)**

**Hình thức sở hữu vốn (Tiếp theo)**

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Các công ty con	Nơi thành lập, hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình	Hòa Bình	100%	100%	Sản xuất gạch

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01 đến ngày 30/06 hàng năm.

**Các bên liên quan**

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU B09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2015, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2015/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính bán niên cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến cuối kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU B09a-DN/HN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hợp nhất kinh doanh (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho là cát, đá được Công ty kiểm kê dựa vào hình dáng của đồng cát, đá sau đó đo đạc chiều cao, chiều dài và chiều rộng của khối cát hoặc đồng đá để tính ra khối lượng tồn kho của mỗi loại. Ban Giám đốc tin tưởng rằng phương pháp kiểm kê này là phù hợp, số dư hàng tồn kho trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là hợp lý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Ban Giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày 30/06/2015 và không thấy có hàng tồn kho nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU B09a-DN/HN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	09 - 50
Máy móc, thiết bị	11 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU B09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	3.138.678.578	2.268.670.377
Tiền gửi ngân hàng	1.109.716.141	7.305.276
	<u>4.248.394.719</u>	<u>2.275.975.653</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU B09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>9.832.740.271</b>	<b>4.525.664.823</b>
Công ty TNHH Thiên An Sơn	2.451.120.679	-
Công ty TNHH Phú Anh Đạt	1.565.850.000	-
Công ty TNHH Long Triều	1.301.100.003	1.301.100.003
Nguyễn Bảo Anh	1.028.575.000	-
Công ty Cổ phần ĐTXD và thiết kế Phú Thăng Long	-	1.493.787.500
Đối tượng khác	3.486.094.589	1.730.777.320

Tại ngày 30/06/2015, Công ty có một số khoản nợ phải thu đã bị quá hạn thanh toán trên 01 năm với giá trị là 522.732.579 đồng, tuy nhiên toàn bộ các khoản nợ phải thu này đều đã có cam kết thanh toán của khách hàng (trong khoảng thời gian từ tháng 09 đến tháng 11/2015). Do đó, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng vào khả năng thu hồi công nợ của các khoản nợ phải thu đã bị quá hạn thanh toán nói trên nên chưa xem xét trích lập thêm dự phòng trong kỳ này.

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
	<b>15.925.816.104</b>	<b>15.490.800.000</b>
Công ty CP Đầu tư và Công nghệ Trường Sơn (i)	13.680.000.000	13.680.000.000
Nguyễn Thị Huệ	-	1.709.800.000
Các đối tượng khác	2.245.816.104	101.000.000

Ghi chú: (i) Công ty ứng trước tiền cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Trường Sơn để mua dây chuyền máy nghiền đá từ năm 2014. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty không có nhu cầu mua máy nên Công ty đã thanh lý hợp đồng mua dây chuyền máy nghiền đá vào ngày 29/7/2015 và đã thu hồi lại toàn bộ số tiền 13.680.000.000 đồng đã tạm ứng trong cùng ngày.

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.650.000.000</b>	<b>-</b>
Tạm ứng (i)	1.000.000.000	-	3.650.000.000	-

Ghi chú: (i) Số dư đầu kỳ thay đổi do trình bày lại số dư tạm ứng theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu vật liệu	1.887.349.616	-	1.506.424.211	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	12.493.083.992	-	15.064.423.215	-
Hàng hoá	8.550.402.332	-	4.429.203.656	-
<b>Cộng</b>	<b>22.930.835.940</b>	<b>-</b>	<b>21.000.051.082</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU B09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**9. HÀNG TỒN KHO (Tiếp theo)**

**Ghi chú: (\*)** Trong đó chủ yếu là chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại xóm Trộng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình chưa hoàn thành. Dự kiến sau khi xây dựng hoàn thành, nhà máy sẽ được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình (công ty con) quản lý và sử dụng.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.031.548.412</b>	<b>434.498.184</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.031.548.412	434.498.184
<b>b) Dài hạn</b>	<b>431.989.653</b>	<b>198.155.929</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	431.989.653	198.155.929
<b>Cộng</b>	<b>1.463.538.065</b>	<b>632.654.113</b>

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	11.845.368.754	2.876.147.186	5.381.224.988	20.102.740.928
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(341.947.500)	(341.947.500)
Tại ngày 30/06/2015	11.845.368.754	2.876.147.186	5.039.277.488	19.760.793.428
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	1.488.929.754	1.284.040.556	1.966.953.572	4.739.923.882
- Khấu hao trong kỳ	306.797.496	122.616.858	253.694.089	683.108.443
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(166.237.322)	(166.237.322)
Tại ngày 30/06/2015	1.795.727.250	1.406.657.414	2.054.410.339	5.256.795.003
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2015	10.356.439.000	1.592.106.630	3.414.271.416	15.362.817.046
Tại ngày 30/06/2015	10.049.641.504	1.469.489.772	2.984.867.149	14.503.998.425

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thép Hoàng Đạo	1.099.954.885	1.099.954.885	-	-
Công ty TNHH thương mại và vận tải Thái Thiện	-	-	1.651.660.895	1.651.660.895
Nguyễn Thị Huệ	-	-	1.189.210.000	1.189.210.000
Công ty TNHH xuất nhập khẩu bảo tuần	1.191.925.618	1.191.925.618	-	-
Các đối tượng khác	6.046.321.207	6.046.321.207	3.440.833.058	3.440.833.058
<b>Cộng</b>	<b>8.338.201.710</b>	<b>8.338.201.710</b>	<b>6.281.703.953</b>	<b>6.281.703.953</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MÃU B09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Phải nộp	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	182.247.154	2.821.085.996	2.966.122.719	37.210.431
Thuế TNDN	615.681.191	851.052.629	-	1.466.733.820
Thuế TNCN	4.576.841	-	-	4.576.841
<b>Cộng</b>	<b>802.505.186</b>	<b>3.672.138.625</b>	<b>2.966.122.719</b>	<b>1.508.521.092</b>

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

Đơn vị: VND

	Vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	<b>Số dư tại ngày 01/01/2014</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>2.436.896.672</b>
Tăng vốn trong kỳ	17.500.000.000	-	17.500.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	718.905.369	718.905.369
<b>Số dư tại ngày 01/01/2015</b>	<b>52.500.000.000</b>	<b>3.155.802.041</b>	<b>55.655.802.041</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	3.017.368.414	3.017.368.414
<b>Số dư tại ngày 30/06/2015</b>	<b>52.500.000.000</b>	<b>6.173.170.455</b>	<b>58.673.170.455</b>

*Vốn điều lệ*

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 26/04/2014, vốn điều lệ của Công ty là 52.500.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

Danh sách cổ đông sáng lập	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 7		Vốn đã góp	
	VND	%	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Nguyễn Xuân Khoa	9.000.000.000	17,1%	9.000.000.000	9.000.000.000
Hoàng Văn Ty	6.554.000.000	12,5%	6.554.000.000	6.554.000.000
Nguyễn Tuyết Nhung	5.000.000.000	9,5%	5.000.000.000	5.000.000.000
Nguyễn Thị Mến	2.750.000.000	5,2%	2.750.000.000	2.750.000.000
Nguyễn Thị Kim	2.500.000.000	4,8%	2.500.000.000	2.500.000.000
Nguyễn Văn Nam	2.400.000.000	4,6%	2.400.000.000	2.400.000.000
Nguyễn Thị Linh	2.000.000.000	3,8%	2.000.000.000	2.000.000.000
Vũ Văn Vân	1.600.000.000	3,0%	1.600.000.000	1.600.000.000
Đặng Ngọc Thông	1.575.000.000	3,0%	1.575.000.000	1.575.000.000
Hoàng Thị Kim	1.575.000.000	3,0%	1.575.000.000	1.575.000.000
Các cổ đông khác	17.546.000.000	33,4%	17.546.000.000	17.546.000.000
<b>Cộng</b>	<b>52.500.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>52.500.000.000</b>	<b>52.500.000.000</b>

*Cổ phiếu*

	30/06/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.250.000	5.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.250.000	5.250.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.250.000	5.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.250.000	5.250.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU B09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Thời điểm hiện tại, lĩnh vực kinh doanh của Công ty tập trung vào khai thác đất, đá, cát, sỏi, sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng. Không có các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khác, theo đó Công ty không áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Do Công ty không hoạt động tại các địa điểm khác nhau, do đó Công ty không áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	12.465.747.020	2.039.897.992
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.145.112.931	7.309.172.523
<b>Cộng</b>	<b>27.610.859.951</b>	<b>9.349.070.515</b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	8.783.194.205	1.133.758.274
Giá vốn dịch vụ	11.203.548.244	6.368.088.028
<b>Cộng</b>	<b>19.986.742.449</b>	<b>7.501.846.302</b>

**18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.941.845.875	5.357.249.829
Chi phí nhân công trực tiếp	3.065.543.160	892.019.160
Chi phí khấu hao tài sản cố định	683.108.443	817.898.692
Chi phí dịch vụ mua ngoài	623.463.923	554.064.786
Chi phí khác bằng tiền	685.713.543	197.468.866
<b>Cộng</b>	<b>11.999.674.944</b>	<b>7.818.701.333</b>

**19. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	351.663.680	148.814.696
Chi phí khấu hao tài sản cố định	158.920.296	150.900.773
Chi phí dịch vụ mua ngoài	382.305.224	157.124.125
<b>Cộng</b>	<b>892.889.200</b>	<b>456.839.594</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU B09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	551.425.554	60.079.312
Chi phí nhân công trực tiếp	680.796.600	328.383.120
Chi phí khấu hao tài sản cố định	153.374.137	142.782.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	241.158.699	249.044.091
Chi phí khác bằng tiền	1.160.516.595	197.468.866
<b>Cộng</b>	<b>2.787.271.585</b>	<b>977.757.412</b>

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.868.421.043	413.568.713
Thu nhập chịu thuế	3.868.421.043	413.568.713
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	851.052.629	124.061.972
- Đóng tại Công ty Mẹ	496.855.436	124.061.972
- Đóng tại Công ty Con	354.197.193	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>851.052.629</b>	<b>124.061.972</b>

**22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.017.368.414	289.506.741
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	5.250.000	4.360.497
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	575	66
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015 là 0:

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.248.394.719	2.275.975.653
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	58.673.170.455	55.655.802.041
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU B09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.248.394.719	2.275.975.653	4.248.394.719	2.275.975.653
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.182.190.269	8.175.664.823	10.182.190.269	8.175.664.823
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.430.584.988</b>	<b>10.451.640.476</b>	<b>14.430.584.988</b>	<b>10.451.640.476</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	8.446.983.980	6.350.315.613	8.446.983.980	6.350.315.613
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.446.983.980</b>	<b>6.350.315.613</b>	<b>8.446.983.980</b>	<b>6.350.315.613</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không phát sinh các khoản vay, tiền gửi có giá trị lớn theo đó, Công ty không đánh giá ảnh hưởng của rủi ro thị trường liên quan đến lãi suất; các rủi ro liên quan đến tỷ giá hối đoái, Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MÃU B09a-DN/HN  
kèm theo

**23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 30/06/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.248.394.719	-	4.248.394.719
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.182.190.269	-	10.182.190.269
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.430.584.988</b>	<b>-</b>	<b>14.430.584.988</b>
<b>Tại 30/06/2015</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	8.446.983.980	-	8.446.983.980
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.446.983.980</b>	<b>-</b>	<b>8.446.983.980</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>5.983.601.008</b>	<b>-</b>	<b>5.983.601.008</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.275.975.653	-	2.275.975.653
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.175.664.823	-	8.175.664.823
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.451.640.476</b>	<b>-</b>	<b>10.451.640.476</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	6.281.703.953	68.611.660	6.350.315.613
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.281.703.953</b>	<b>68.611.660</b>	<b>6.350.315.613</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>4.169.936.523</b>	<b>(68.611.660)</b>	<b>4.101.324.863</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, Công ty không có giao dịch và không có số dư trọng yếu nào với các bên liên quan, ngoại trừ phần thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị dưới đây:

**Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị:**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	216.000.000	96.000.000
<b>Cộng</b>	<b>216.000.000</b>	<b>96.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU B09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty.

**26. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 đã được soát xét.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Hoàng Văn Ty  
Giám đốc

Thái Bình, ngày 18 tháng 08 năm 2015

Vũ Thị Hằng  
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng  
Người lập biểu